

# HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG DẠY TIẾNG ANH CỦA GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG VIỆT NAM: SUY NGÃM TỪ MỘT KHẢO SÁT

Trần Thị Hiếu Thủy<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Lan Hương<sup>1</sup>, Khương Quỳnh Nga<sup>1</sup>

Email: thuytth@vnu.edu.vn, ORCID: 0009-0005-7923-5906

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/03/2026. Ngày phản biện đánh giá: 15/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 01/06/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1264

**Tóm tắt:** Bài báo này trình bày kết quả khảo sát thói quen sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học và các yếu tố tác động đến tự đánh giá năng lực sư phạm AI của giáo viên tiếng Anh phổ thông Việt Nam. Khảo sát được thực hiện với 1528 giáo viên dạy tiếng Anh các cấp ở 31 Sở Giáo dục Đào tạo qua hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên theo cụm. Kết quả cho thấy đa số giáo viên tham gia khảo sát đã/đang ứng dụng AI với tần suất sử dụng trung bình. Có tương quan tỉ lệ nghịch giữa tuổi tác với tần suất sử dụng AI và sự tự tin về công nghệ, tương quan tỉ lệ thuận giữa mức độ đào tạo về AI với tần suất sử dụng và điểm số tự đánh giá năng lực sư phạm AI của giáo viên. Việc tham gia đào tạo và sự tự nhận thức của giáo viên có tác động tích cực tới năng lực sư phạm AI hơn là tuổi tác. Kết quả này gợi ý các đặc điểm của chương trình đào tạo AI hiệu quả cho giáo viên tiếng Anh phổ thông ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Đào tạo về AI, giáo viên tiếng Anh phổ thông, năng lực sư phạm AI, trí tuệ nhân tạo

## I. Đặt vấn đề

Trong một thập kỷ qua, trí tuệ nhân tạo (AI) đã nhanh chóng trở thành một lực lượng quan trọng trong giáo dục. AI đóng góp vào việc định hình lại các mô hình dạy và học bằng khả năng kiến tạo môi trường học tập thích ứng (Holmes và các cộng sự, 2019, tr.84), giúp tăng cường trải nghiệm giáo dục cá nhân hóa và sự tham gia của người học (Chaudhry & Kazim, 2021). Giờ đây, giáo viên không chỉ cần kỹ năng sư phạm truyền thống mà còn cần tích hợp AI một cách hiệu quả và có đạo đức vào hoạt động dạy học.

Nhận thức về tác động của chuyển đổi số và sẵn sàng ứng biến với những thay đổi mang tính thời đại, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã ban hành Khung năng lực số dành cho giáo viên và quản lý cơ sở giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026) có miền 06 - Năng lực trí tuệ nhân tạo. UNESCO (2024) công bố Khung năng lực AI dành cho giáo viên (AICFT), tập trung mô tả các miền năng lực liên quan tới AI. Trong bối cảnh này, một hướng dẫn rõ ràng về cách nhận biết và nâng cao các chỉ số năng lực sư phạm AI của giáo viên, đặc biệt là trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ tại Việt Nam, là rất cần thiết.

<sup>1</sup> Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Đề tài khoa học N24.18 do Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN tài trợ được thực hiện nhằm khảo sát mức độ ứng dụng AI vào dạy học và đánh giá các chỉ số năng lực sư phạm AI của giáo viên tiếng Anh bằng Thang tự đánh giá được thiết kế theo Khung lý thuyết tích hợp Năng lực sư phạm AI của giáo viên ngoại ngữ theo AICFT (UNESCO, 2024). Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu từ khảo sát khởi đầu của đề tài N24.18 để trả lời hai câu hỏi nghiên cứu:

*Câu hỏi 1: Giáo viên tiếng Anh phổ thông Việt Nam thường sử dụng AI trong giảng dạy như thế nào?*

*Câu hỏi 2: Theo nhận định của giáo viên, những yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến tần suất sử dụng AI và điểm số tự đánh giá năng lực sư phạm AI của họ?*

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Trí tuệ nhân tạo và giảng dạy tiếng Anh

Trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục nói chung và dạy học tiếng Anh nói riêng bao gồm các công nghệ tính toán có khả năng thực hiện các nhiệm vụ vốn cần vận dụng các chức năng nhận thức của con người, như giải quyết vấn đề, hiểu ngôn ngữ, nhận dạng mẫu và mô hình (Holmes & cộng sự, 2019, tr. 84; Luckin & cộng sự, 2016, tr. 14). AI được ứng dụng đa dạng, như trong phần mềm sửa lỗi ngữ pháp, chuyển văn bản thành giọng nói, AI Chatbot hoặc các nền tảng học tập thích ứng (Chaudhry & Kazim, 2021), giúp tạo ra trải nghiệm học tập tương tác và sống động (Zawacki-Richter & cộng sự, 2019).

Edmett và cộng sự (2024) khảo sát 1348 giáo viên tiếng Anh trên thế giới

về hiện trạng sử dụng AI trong dạy học tiếng Anh. Trên 70% giáo viên nói rằng AI giúp học sinh cải thiện các kỹ năng ngôn ngữ; tuy nhiên, nó thiếu cảm xúc và không nắm bắt đầy đủ các sắc thái ngôn ngữ. Theo họ, AI nên hỗ trợ, chứ không thay thế các phương pháp giảng dạy đang được áp dụng. Trên 30% giáo viên đồng ý rằng AI ảnh hưởng tiêu cực tới việc học và có thể khiến người dùng phụ thuộc quá mức. Có tới 54% nói rằng họ chưa được tập huấn hoặc tập huấn chưa đầy đủ về sử dụng AI trong giảng dạy. Nhìn chung, họ mong muốn được đào tạo bài bản và toàn diện hơn.

Đây là một tham chiếu hữu ích về tình hình chung trên thế giới. Tuy nhiên, trong khảo sát của Edmett và cộng sự (2024), phần lớn người tham gia giảng viên đại học, mối tương quan giữa bối cảnh dạy học với nhận thức của giáo viên về năng lực AI của bản thân chưa được tìm hiểu. Nghiên cứu của nhóm tác giả với đối tượng là giáo viên phổ thông sẽ góp phần bồi đắp khoảng trống nghiên cứu này trong tình hình dạy học tiếng Anh phổ thông của Việt Nam và các quốc gia tương tự.

### 2.2. Khung lý thuyết về Năng lực AI của giáo viên

*Khung năng lực trí tuệ nhân tạo dành cho giáo viên của UNESCO (AICFT)*

AICFT (UNESCO, 2024) gồm năm miền năng lực bao phủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ ứng xử với AI: *Tư duy lấy con người làm trung tâm, Đạo đức sử dụng AI, Nền tảng và ứng dụng AI, Sư phạm AI, và Sử dụng AI trong phát triển chuyên môn*. Các miền được mô tả ở ba mức độ thông thạo: Lĩnh hội (Acquire), Đào sâu (Deepen) và Kiến tạo

(Create). Miền 4 - *Năng lực ứng dụng AI trong giảng dạy (Năng lực Sư phạm AI)* chỉ ra rằng giáo viên có thể đánh giá phê phán và áp dụng/thích ứng các công nghệ AI cho các mục đích sư phạm. Năng lực này là tổng hòa của kiến thức và kỹ năng sư phạm, sự tự tin về công nghệ, nhận thức đạo đức và hiểu biết cách hoạt động của AI trong môi trường giáo dục (Zou & cộng sự, 2023). Năng lực sư phạm AI đảm bảo rằng giáo viên, chứ không phải AI, là người đưa ra quyết định cuối cùng trong các tình huống dạy học.

Khung năng lực số (KNLS-TT18) dành cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên

KNLS-TT18 được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 27/3/2026 qua Thông tư 18/2026/TT-BGDĐT. Miền năng lực 06 về trí tuệ nhân tạo chỉ ra rằng việc ứng dụng AI trong dạy học và phát triển chuyên môn đi đôi với đảm bảo đạo đức, minh bạch, công bằng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. KNLS-TT18 mô tả cụ thể năng lực thành phần 6.3 (Sư phạm AI) ở ba mức độ: Cơ bản, Thành thạo, Nâng cao.

Như vậy, AICFT và KNLS-TT18 đều chỉ ra năng lực sư phạm AI có đóng góp quyết định tới hiệu quả ứng dụng AI vào giảng dạy, khẳng định vai trò chính yếu của người giáo viên và vai trò công cụ hỗ trợ của AI trong giáo dục. Vì vậy, việc tìm hiểu hiện trạng sử dụng AI và các yếu tố có thể ảnh hưởng tới năng lực sư phạm AI của giáo viên tiếng Anh phổ thông sẽ đóng góp vào bức tranh toàn cảnh về AI trong giáo dục ngoại ngữ ở Việt Nam.

### III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với đối tượng là giáo viên tiếng Anh ở trường phổ thông của Việt Nam, với phương pháp

chọn mẫu ngẫu nhiên theo cụm, trong đó mỗi Sở giáo dục là một cụm trong quần thể nghiên cứu, giáo viên là các cá thể được chọn vào mẫu bằng cách chọn mẫu ngẫu nhiên đơn. Các vấn đề của dữ liệu tự đánh giá được giảm thiểu nhờ sử dụng thang tự đánh giá đã được kiểm chứng, cho phép người tham gia trả lời ẩn danh, phân nhóm và mã hoá dữ liệu để phân tích định lượng bằng phần mềm.

Thang tự đánh giá Năng lực sư phạm AI được nhóm tác giả phát triển từ Khung lý thuyết tích hợp Năng lực sư phạm AI của giáo viên ngoại ngữ và xác trị 2 lần (Trần, Nguyễn & Khương, 2025, 2026), có cài câu hỏi nghịch đảo ở mỗi phần. Bản tiếng Việt được chuyển thành Cognito Form và gửi tới người tham gia qua các cộng đồng phát triển chuyên môn (Community of Practice) ở 31 Sở giáo dục cả ba miền Bắc - Trung - Nam.

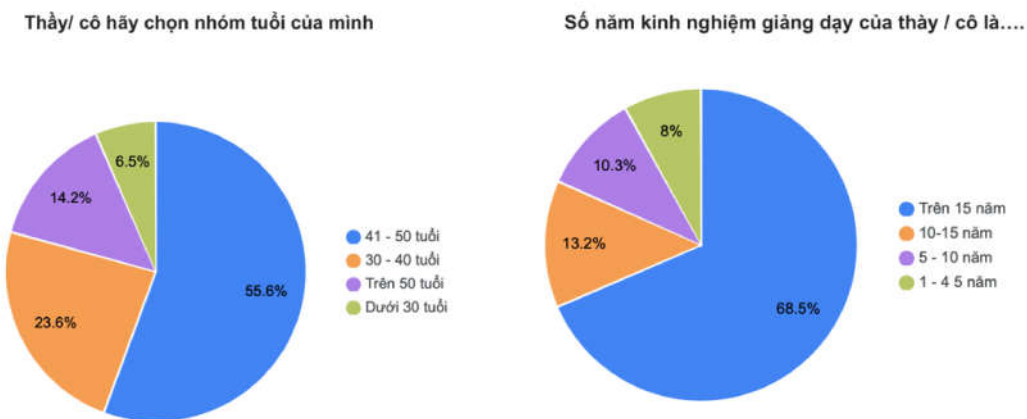
Dữ liệu tự đánh giá của 1528 giáo viên được làm sạch, mã hoá và lưu trữ theo chủ đề. Nhóm tác giả sử dụng Excel và phần mềm thống kê mã nguồn mở Jamovi để xác nhận độ tin cậy của dữ liệu, tìm kiếm thói quen sử dụng AI, và các yếu tố có tương quan với nhau.

## IV. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Thói quen sử dụng AI trong giảng dạy tiếng Anh của giáo viên phổ thông Việt Nam

#### 4.1.1. Thông tin tổng quan

Phần lớn giáo viên tham gia khảo sát thuộc nhóm 30 - 50 tuổi, với 10 năm kinh nghiệm dạy tiếng Anh trở lên. Trong đó, nhóm 41-50 tuổi có 850 người, chiếm 55,6%, và nhóm dạy học trên 15 năm chiếm 68,5%.



Hình 1. Tuổi và kinh nghiệm giảng dạy

Khảo sát tiếp cận được nhiều giáo viên trong độ chín của nghề giáo với lượng kiến thức, kỹ năng sư phạm được tích lũy qua nhiều năm. Tuổi nghề của họ trùng với thời điểm thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia (2008 - 2025). Giáo viên có thể đã tham gia nhiều chương trình tập huấn nâng cao năng lực và phương pháp giảng dạy tiếng Anh của Đề án, do đó khá quen thuộc và cởi mở với những thay đổi trong giáo dục như ứng dụng AI.

Giáo viên thường dùng AI bản miễn phí, với ChatGPT và Gemini được trên 1000 giáo viên lựa chọn, tương đồng với

mức độ phổ biến của hai công cụ này trên toàn cầu (Chapman, 2026). Có 787 lượt giáo viên cho biết họ có dùng bản trả phí, và ChatGPT và Gemini vẫn là lựa chọn hàng đầu.

#### 4.1.2. Thực tế sử dụng AI trong dạy học

Gần 92% giáo viên (1403 người) tham gia khảo sát cho biết họ đã/ đang dùng AI trong dạy học. Tần suất sử dụng ở mức độ trung bình - cao (M = 2,30/3,0). Có hơn một nửa (51%) thỉnh thoảng dùng AI và có tới 40% giáo viên cho biết họ thường xuyên dùng AI.



Hình 2. Tỷ lệ giáo viên sử dụng AI và Tần suất sử dụng AI

Phản hồi viết của 125 giáo viên còn lại giải thích vì sao họ chưa sử dụng AI trong dạy học. Một giáo viên có thể nêu nhiều lý do. Có 8 nhóm lý do chính, bao gồm Chưa thành thạo AI (65 người), Chưa có thời gian nghiên cứu về AI (42 người),

Cơ sở vật chất và điều kiện kinh tế (20 người), Chưa có nhu cầu dùng AI do các học liệu hiện có đủ tốt (15 người), Chưa có yêu cầu hoặc hướng dẫn từ trường, sở (12 người), Không cần thiết (10 người), và Lý do từ phía học sinh (4 người).

“Tôi cũng đã tham gia tập huấn online, nhưng chưa bắt tay vào thực hành nên chưa sử dụng thành thạo. Nghĩ là sẽ mất nhiều thời gian nên không ứng dụng vào bài giảng.”

“Chưa sử dụng được thành thạo các ứng dụng AI, số tiết lên lớp nhiều chưa có thời gian nghiên cứu kỹ về các ứng dụng.”

“Học sinh vùng nông thôn, việc triển khai và áp dụng còn gặp nhiều khó khăn.”

“Hiện tại, với khối THPT, em vẫn chưa sử dụng AI trong công tác giảng dạy vì:

- Kiến thức tại khối THPT với lượng từ vựng nhiều, nâng cao và các cụm collocation, sẽ rất khó để có thể sử dụng AI tạo ra các video liên quan.

- Với công việc hiện tại thì sử dụng AI sẽ là quá tải vì mất thời gian tự tìm hiểu và sửa lại theo đúng nội dung cần truyền tải cho học sinh.

- Thiếu kiến thức và kỹ năng sử dụng để có thể tận dụng được AI phục vụ việc dạy học.”

Mặc dù trong số giáo viên được khảo sát, số lượng tiếp cận và sử dụng AI đông gấp nhiều lần số chưa sử dụng, những nguyên nhân hạn chế AI rất đáng

suy ngẫm. Muốn AI được ứng dụng rộng rãi và hiệu quả, cần nâng cao mức độ thành thạo và sự tự tin về công nghệ cho giáo viên. Đồng thời, cần có cơ chế, chính sách tạo điều kiện về thời gian và cơ sở vật chất để giáo viên thử nghiệm và áp dụng. Hơn nữa, cần luôn xác định yếu tố con người là quan trọng nhất - AI đóng vai trò hỗ trợ và không nhất thiết phải xuất hiện mọi lúc, trong mọi bài giảng.

#### 4.2. Tương quan giữa các yếu tố trong kết quả tự đánh giá năng lực sư phạm AI của giáo viên

Nhóm tác giả kiểm chứng ba giả định bằng ma trận tương quan với các biến: độ tuổi, tần suất sử dụng, điểm tự đánh giá năng lực sư phạm AI (bao gồm kiến thức AI, kỹ năng AI), số lần được đào tạo về AI và hiệu quả đào tạo AI trên quy mô mẫu là 1403 giáo viên có sử dụng AI.

H1: Độ tuổi ảnh hưởng đến tần suất sử dụng AI, tự đánh giá năng lực sư phạm AI và hiệu quả đào tạo AI

H2: Tần suất sử dụng AI tương quan với tự đánh giá năng lực sư phạm AI và hiệu quả đào tạo AI

H3: Đào tạo về AI có ảnh hưởng tới tự đánh giá năng lực sư phạm AI

Bảng 1. Thống kê các biến chính

	N	Mean	SD	Min	Max
Độ tuổi	1403	2,75	0,772	1	4
Tần suất sử dụng AI	1403	2,30	0,631	1	3
Kiến thức AI	1403	2,37	0,537	1	4
Kỹ năng AI	1403	2,16	0,647	1	4
Số lần đào tạo về AI	1403	2,17	0,884	0	4
Hiệu quả đào tạo AI	1403	2,84	1,077	0	4

Theo giáo viên tự đánh giá, kiến thức AI nhìn chung ở mức trung bình (Mean = 2,37), mức độ chênh lệch không lớn (SD = 0,537); kỹ năng AI có điểm thấp hơn điểm kiến thức AI, độ lệch chuẩn

cao hơn cho thấy sự khác biệt rõ hơn về năng lực sử dụng AI thực tế; số lần được đào tạo AI ở mức trung bình thấp (Mean = 2,17), có giáo viên chưa từng được tham gia (điểm 0), độ lệch chuẩn khá

lớn (SD = 0,884) phản ánh sự không đồng đều trong tiếp cận cơ hội đào tạo; *hiệu quả đào tạo AI* ở mức trung bình - cao (Mean = 2,84), độ lệch chuẩn lớn (SD = 1,077) cho thấy trải nghiệm đào tạo

giữa các giáo viên chưa đồng nhất, nói cách khác chất lượng, nội dung và mức độ thực tiễn của các khóa tập huấn có thể khác nhau đáng kể.

Correlation Matrix		A1.Age	B6.FreqUseCd	B5.SelfAssessCd	B9.SelfAssessCompCode	B10.Training	B11.TrainEffectCd
A1.Age	Pearson's r	—					
	df	—					
	p-value	—					
	Kendall's Tau B	—					
	p-value	—					
B6.FreqUseCd	Pearson's r	-0.151 ***	—				
	df	1401	—				
	p-value	<.001	—				
	Kendall's Tau B	-0.140 ***	—				
	p-value	<.001	—				
B5.SelfAssessCd	Pearson's r	-0.147 ***	0.401 ***	—			
	df	1399	1399	—			
	p-value	<.001	<.001	—			
	Kendall's Tau B	-0.133 ***	0.393 ***	—			
	p-value	<.001	<.001	—			
B9.SelfAssessCompCode	Pearson's r	-0.073 **	0.379 ***	0.517 ***	—		
	df	1401	1401	1399	—		
	p-value	0.006	<.001	<.001	—		
	Kendall's Tau B	-0.062 **	0.350 ***	0.486 ***	—		
	p-value	0.009	<.001	<.001	—		
B10.Training	Pearson's r	0.051	0.207 ***	0.268 ***	0.251 ***	—	
	df	1401	1401	1399	1401	—	
	p-value	0.054	<.001	<.001	<.001	—	
	Kendall's Tau B	0.048 *	0.183 ***	0.240 ***	0.223 ***	—	
	p-value	0.045	<.001	<.001	<.001	—	
B11.TrainEffectCd	Pearson's r	0.141 ***	0.172 ***	0.218 ***	0.209 ***	0.449 ***	—
	df	1401	1401	1399	1401	1401	—
	p-value	<.001	<.001	<.001	<.001	<.001	—
	Kendall's Tau B	0.109 ***	0.178 ***	0.220 ***	0.203 ***	0.397 ***	—
	p-value	<.001	<.001	<.001	<.001	<.001	—

Note. \* p < .05, \*\* p < .01, \*\*\* p < .001

Hình 3. Ma trận tương quan (Jamovi)

#### 4.2.1. H1: Tuổi tác và các biến liên quan

*Tuổi tác* tương quan nghịch với *tần suất sử dụng AI* (Pearson  $r = -0,151$ ,  $p < 0,001$ ; Kendall  $\tau = -0,140$ ,  $p < 0,001$ ), *điểm kiến thức AI* ( $r = -0,147$ ,  $p < 0,001$ ;  $\tau = -0,133$ ,  $p < 0,001$ ) và *điểm kỹ năng AI* ( $r = -0,073$ ,  $p = 0,006$ ;  $\tau = -0,062$ ,  $p = 0,009$ ). Sự nhất quán trong phân tích Pearson và Kendall Tau-b cho thấy giáo viên trẻ hơn sử dụng AI thường xuyên hơn, và có xu hướng tự đánh giá năng lực sư phạm AI cao hơn một chút; có thể là vì họ cảm thấy tự tin hơn về công nghệ.

*Tuổi tác* tương quan thuận với *hiệu quả đào tạo AI* ( $r = .141$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .109$ ,  $p < .001$ ), nghĩa là giáo viên lớn tuổi hơn thường nhận thấy đào tạo có lợi hơn cho họ. Phát hiện này xác nhận phân tích ở mục 4.1 về độ tuổi của giáo viên, bối cảnh phát triển chuyên môn và thái độ của họ với đào tạo chuyên môn. Không có tương quan đáng kể giữa *tuổi tác* của giáo viên với *số lần tham gia đào tạo về AI*.

#### 4.2.2. H2: Tần suất sử dụng AI và các biến liên quan

*Tần suất sử dụng AI* tương quan trung bình với *điểm kiến thức AI* ( $r = .401$ ,

$p < .001$ ;  $\tau = .393$ ,  $p < .001$ ) và *điểm kỹ năng AI* ( $r = .379$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .350$ ,  $p < .001$ ), tức là giáo viên sử dụng AI thường xuyên hơn có xu hướng tự tin hơn về năng lực sư phạm AI. Độ mạnh vừa phải của các mối quan hệ này cho thấy sự gắn kết hành vi (behavioural engagement) với các công cụ AI có thể là một trong các yếu tố trọng tâm để phát triển năng lực sư phạm AI.

*Tần suất sử dụng AI* tương quan tích cực với *số lần đào tạo* ( $r = .207$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .183$ ,  $p < .001$ ) và *hiệu quả đào tạo* ( $r = .172$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .178$ ,  $p < .001$ ), nghĩa là những giáo viên được đào tạo về AI có xu hướng sử dụng AI thường xuyên hơn, và cảm nhận rằng đào tạo mang lại nhiều lợi ích hơn cho họ. Sự nhất quán giữa hệ số tương quan Pearson và Kendall củng cố độ tin cậy của phát hiện này.

4.2.3. H3: Đào tạo về AI và các biến liên quan

*Số lần đào tạo* tỉ lệ thuận với *điểm kiến thức AI* và *kỹ năng AI* ( $r = .251$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .223$ ,  $p < .001$ ), nghĩa là đào tạo có thể khuyến khích sự tự tin và khả năng tự nhận thức của giáo viên. Mối quan hệ giữa *số lần đào tạo* và *hiệu quả đào tạo* tương đối mạnh ( $r = .449$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .397$ ,  $p < .001$ ), nghĩa là các giáo viên tham gia đào tạo thường nhận thấy đào tạo là có ích. Đây là một trong những mối quan hệ mạnh nhất trong ma trận và cho thấy các sáng kiến đào tạo AI nói chung được người tham gia đánh giá là hữu ích.

*Hiệu quả đào tạo* tương quan thuận với *điểm kiến thức AI* ( $r = .218$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .220$ ,  $p < .001$ ), *kỹ năng AI* ( $r = .209$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .203$ ,  $p < .001$ ), và *tần suất sử dụng AI* ( $r = .172$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .178$ ,  $p < .001$ ). Hai thành phần của điểm năng

lực sư phạm AI là *kiến thức AI* và *kỹ năng AI* có tương quan mạnh ( $r = .517$ ,  $p < .001$ ;  $\tau = .486$ ,  $p < .001$ ), thể hiện rằng giáo viên tự tin với kiến thức AI thường tự đánh giá kỹ năng AI tốt hơn. Như vậy, khả năng tự nhận thức đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực.

Nhóm tác giả cũng phân tích tương quan của vài biến khác. Ví dụ, có mối tương quan tích cực nhưng rất yếu giữa việc *sử dụng công cụ AI trả phí* và *tần suất sử dụng AI* (Spearman  $\rho = 0,064$ ,  $p = 0,016$ ;  $\tau = 0,055$ ,  $p = 0,016$ ). Điều này cho thấy tài chính không phải là yếu tố quyết định tới tần suất sử dụng AI. Phát hiện này phù hợp với các mô hình như TAM3 (Venkatesh và Bala, 2008), rằng mức độ áp dụng công nghệ thường chịu ảnh hưởng bởi năng lực và thái độ của người dùng nhiều hơn là bởi sự sẵn có của công cụ.

### 4.3. Thảo luận

Phần lớn giáo viên tiếng Anh tham gia khảo sát có nhiều năm kinh nghiệm dạy học và tham gia đào tạo về phương pháp dạy học. Đa số đã và đang sử dụng AI trong dạy học với tần suất trung bình - cao. Với những giáo viên chưa sử dụng AI, các lý do chính gồm thiếu tự tin về công nghệ (lack of technology confidence), thiếu thời gian (time constraint), và không nhận thấy hiệu quả cho học sinh và bài dạy (contextual barrier). Phát hiện này tương đồng với kết quả của Edmett và cộng sự (2024) về băn khoăn của giáo viên về AI.

Báo cáo tự đánh giá của giáo viên cho thấy tương quan giữa năng lực sư phạm AI và các yếu tố khác. Tần suất sử dụng AI và điểm số tự đánh giá kiến thức và kỹ năng có mối quan hệ mạnh nhất, hàm ý là sự gắn kết hành vi và tự tin về

công nghệ là yếu tố trung tâm trong việc phát triển năng lực sư phạm AI. Số lần được đào tạo và hiệu quả đào tạo cũng có đóng góp đáng kể. Dạy - học tiếng Anh là một trong những lĩnh vực giáo dục phổ biến có ứng dụng AI (Crompton & Burke, 2023). Vì vậy, giáo viên tiếng Anh phổ thông cần được đào tạo để nâng cao hiểu biết và kỹ năng sử dụng AI trong giảng dạy. Từ đó, họ có thể tăng tự tin về công nghệ và linh hoạt lựa chọn công cụ AI cho các mục đích sư phạm khác nhau, nâng cao tư duy phản biện trong đánh giá ưu nhược điểm của AI với bối cảnh dạy học của mình, tránh cường điệu hóa và tuyệt đối hóa khi đánh giá chất lượng các sản phẩm tạo sinh từ AI.

## V. Kết luận

Từ dữ liệu khảo sát ban đầu với 1528 giáo viên tiếng Anh phổ thông ở 31 Sở giáo dục và Đào tạo, chúng tôi đề xuất các đặc điểm của chương trình đào tạo về AI như sau. Thứ nhất, tuổi tác không phải là rào cản với AI, do đó, một chương trình đào tạo có cấu trúc và được phân tầng theo độ tuổi sẽ giúp thu hẹp khoảng cách năng lực sư phạm AI. Thứ hai, niềm tin vào bản thân đóng vai trò quan trọng, do đó chương trình nên đặt mục tiêu tăng cường kiến thức, kỹ năng AI, cải thiện thái độ của giáo viên với AI, và chú trọng khía cạnh tâm lý nhằm nâng cao sự tự tin công nghệ cho giáo viên. Thứ ba, năng lực sư phạm AI phát triển hiệu quả thông qua thực hành nhiều hơn là chỉ học kiến thức lý thuyết về AI, vì vậy, có thể thiết kế chương trình theo mô hình học tập trải nghiệm (Kolb, 1984).

Trong các công bố tiếp theo, chúng tôi sẽ đánh giá từng chỉ số năng lực sư phạm AI của giáo viên dựa trên tổng hợp

và đối chiếu dữ liệu tự đánh giá, quan sát lớp học và phỏng vấn giáo viên. Tổng hợp các kết quả này là cơ sở để chúng tôi thiết kế một nền tảng trực tuyến đào tạo thích ứng (adaptive training e-platform) về năng lực sư phạm AI cho giáo viên phổ thông.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Mã số đề tài: N.24.18. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo tiếng Anh, thầy cô chuyên viên các Sở giáo dục và đào tạo, trưởng các COP và đồng nghiệp, bạn bè đã giúp đỡ thu thập số liệu khảo sát cho nghiên cứu này.

## Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Khung năng lực số dành cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên*. Trong *Thông tư 18/2026/TT-BGDĐT ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2026*.
- Chaudhry, M., & Kazim, E. (2021). Artificial Intelligence in Education (AIED): A High-Level Academic and Industry Note 2021. *SSRN Electronic Journal*. <https://doi.org/10.2139/ssrn.3833583>.
- Chapman, T. (2026). *Top 10 AI applications*. AI Magazine. <https://aimagazine.com/news/top-10-ai-applications>.
- Crompton, H., & Burke, D. (2023). Artificial Intelligence in Higher Education: The State of the Field. *International Journal of Educational Technology in Higher Education* (20). <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00392-8>.
- Edmett, A., Ichaporria, N., Crompton, H., & Crichton, R. (2024). *Artificial intelligence and English language teaching: Preparing for the future (Second edition)*. British Council. <https://doi.org/10.57884/78EA-3C69>.

- Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019). *Artificial Intelligence in Education: Promises and Implications for Teaching and Learning*. Center for Curriculum Redesign.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- Luckin, R., Holmes, W., Griffiths, M., & Forcier, L. B. (2016). *Intelligence Unleashed: An Argument for AI in Education*. Pearson.
- The Jamovi project (2024). Jamovi. (Version 2.6) [Computer Software]. Retrieved from <https://www.jamovi.org>.
- Trần, T. H. T., Nguyễn, T. L. H., & Khương, Q. N. (2025). Developing and validating a self-assessment scale to explore English teachers' AI pedagogy competency. *Proceedings of the 1st Vietcall International Conference*. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần, T. H. T., Nguyễn, T. L. H., & Khương, Q. N. (2026). Exploring EFL Secondary School Teachers' AI Pedagogy Competence: From Perception to Practice. *Transforming Education through Innovation in the Digital Era*, 14-27. Thailand: Faculty of Education, Thaksin University, ISSN 1905-6923.
- UNESCO (2024). *AI competency framework for teachers*. <https://doi.org/10.54675/ZJTE2084>.
- Venkatesh, V. and Bala, H. (2008), Technology Acceptance Model 3 and a Research Agenda on Interventions. *Decision Sciences* (39), 273-315. <https://doi.org/10.1111/j.1540-5915.2008.00192.x>.
- Zawacki-Richter, O., Marín, V. I., Bond, M., & Gouverneur, F. (2019). Systematic Review of Research on Artificial Intelligence Applications in Higher Education - Where Are the Educators? *International Journal of Educational Technology in Higher Education* (16). <https://doi.org/10.1186/s41239-019-0171-0>.
- Zou, B., Reinders, H., Thomas, M., & Barr, D. (2023). Editorial: Using artificial intelligence technology for language learning. *Frontiers in Psychology*, 14, 1287667. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2023.1287667>.

# THE CURRENT PRACTICE OF USING ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN ENGLISH TEACHING OF VIETNAMESE SCHOOL TEACHERS: THOUGHTS FROM A SURVEY

Tran Thi Hieu Thuy<sup>1</sup>, Nguyen Thi Lan Huong<sup>1</sup>, Khuong Quynh Nga<sup>1</sup>

**Abstract:** *This article reports findings from a survey of Vietnamese school teachers of English on their habits of using artificial intelligence (AI) in teaching and the factors affecting their self-assessment of AI pedagogical competence. The authors surveyed 1,528 English teachers across 31 Departments of Education and Training using a cluster sampling method. Data analysis shows that the majority of teachers participating in this survey have been using AI for various pedagogical tasks at a moderate frequency. A negative correlation is found between teachers' age and both their frequency of AI use and their level of technology confidence. The frequency of AI training correlates positively with the frequency of use and teachers' self-assessment scores. Active participation in AI training and teachers' self-awareness have a more positive impact on enhancing AI pedagogical competence than age, and training plays a crucial supporting role. These results suggest the essential features of effective AI training schemes for school English teachers in Vietnam.*

**Keywords:** *Artificial intelligence, AI pedagogical competence, AI training, Vietnamese school teachers of English*

---

<sup>1</sup> VNU University of Languages and International Studies, Hanoi, Vietnam